

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 21-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp A, xã S, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Tổ M, khu phố N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt)

2.2. Bà Trần Thị Kim S, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ M, khu phố N, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 19/9/2019, nguyên đơn trình bày:

Trước đây, giữa ông N với ông N1, bà S có quen biết với nhau. Ngày 29/12/2014, ông Nguyễn Văn N có cho ông Nguyễn Văn N1, bà Trần Thị Kim S vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi ông N cho ông N1, bà S vay tiền thì ông N1 có đưa cho ông N giữ 01 GCNQSDĐ tên ông N1 và bà S. Ngày 15/01/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 10.000.000 đồng, ngày 09/01/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 10.000.000 đồng, ngày 17/02/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 15.000.000 đồng và ngày 10/5/2015, bà S, ông N1 vay số tiền 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Ông N đã yêu cầu bà S, ông N1 thanh toán số tiền trên nhưng phía ông N1, bà S không thanh toán. Nay ông N yêu cầu bà S, ông N1 phải thanh toán số tiền gốc 150.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 10/5/2015 đến nay với lãi suất là 1,5%/tháng (khoảng 48 tháng) tiền lãi với số tiền 108.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là: 258.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ngày 29/12/2014, ông Nguyễn Văn N có cho ông Nguyễn Văn N1, bà Trần Thị Kim S vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi ông N cho ông N1, bà S vay tiền thì ông N1 có đưa cho ông N giữ 01 giấy CNQSD đất tên ông N1 và bà S.

Ngày 15/01/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 10.000.000 đồng,

Ngày 09/01/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 10.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 15.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông N cho ông N1, bà S vay 135.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay trên là vay không kỳ hạn và không có lãi.

Ngày 31/3/2015, ông Nguyễn Văn N đã trả lại sổ đỏ cho bà Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1.

Ngày 17/7/2019, ông N có thông báo đòi nợ gửi đến bà Trần Thị Kim S, nhưng bưu điện có trả về, nên ngày 26/7/2019, ông N có gửi tiếp thông báo đòi nợ thêm một lần nữa cho bà S. Thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày, kể từ nhận thông báo đòi nợ. Do đã yêu cầu thanh toán số tiền trên mà phía bà S, ông N1 không thanh toán số nợ trên.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 135.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1%/tháng, kể từ ngày 10/5/2015 cho đến 11/6/2019 với số tiền 64.800.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 199.800.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Trần Thị Kim S

trình bày:

Bà và chồng của bà (ông Nguyễn Văn N1), có vay tiền của ông Nguyễn Văn N N lần với tổng số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Ngày 29/12/2014, ông Nguyễn Văn N có cho bà và chồng của bà (ông Nguyễn Văn N1) vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2015 ông Nguyễn Văn N1 vay thêm của ông N số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay 10.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2015, ông Nguyễn Văn N1 vay thêm số tiền 15.000.000 đồng,

Tổng cộng, ông N cho vợ chồng bà S vay 135.000.000 đồng.

Khi ông N cho vợ chồng bà vay tiền, vợ chồng bà có đưa cho ông N 01 giấy CNQSD đất tên vợ chồng bà. Đến ngày 31/03/2015 thì ông N đã trả giấy CNQSD đất cho trên cho vợ chồng bà. Tất cả các khoản vay trên là khoản vay không kỳ hạn và không tính lãi.

Nay ông N khởi kiện vợ chồng bà và yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý thanh toán lại số tiền gốc 135.000.000 đồng, không đồng ý với số tiền lãi, vì khi vay tiền thì không tính lãi.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 135.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 19/9/2019) đến ngày 21/5/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất là: 1,5%/ tháng x 08 tháng 02 ngày = 16.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng và 92.000.000 đồng tiền lãi.

- Bị đơn bà Trần Thị Kim S, ông Nguyễn Văn N1 vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu nhận xét về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Trần Thị Kim S, ông Nguyễn Văn N1 có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 150.000.000 đồng và 108.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu tính lãi là 92.000.000 đồng. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 92.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, các bị đơn bà Trần Thị Kim S, ông Nguyễn Văn N1 thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Xét đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn vay là khoản vay không thời hạn và không có lãi. Nguyên đơn cho rằng đã gửi thông báo đòi nợ đến bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận đã nhận được thông báo đòi nợ, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh về việc bị đơn đã nhận được thông báo đòi nợ của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Ngày 19/9/2020, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, ngày 11/12/2019 Tòa án thụ lý vụ án. Đến ngày 13/12/2019, bị đơn nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Do đó, thời gian hợp lý được tính từ ngày 14/02/2020 (sau 02 tháng), kể từ ngày bị đơn

nhận được thông báo thụ lý vụ án tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2020) là 03 tháng 07 ngày.

Do đó, cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn đối với các khoản vay theo mức lãi suất cơ bản tính từ ngày đến hạn thanh toán là phù hợp với quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cơ bản và khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, việc tính lãi được xác định như sau: $135.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 9\%/năm (0,75\%/tháng) = 3.273.000 \text{ đồng}$.

Do vậy, tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 138.273.000 đồng; trong đó số tiền gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 3.273.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi vay với lãi suất kể từ ngày 19/9/2019 cho đến ngày 21/5/2020 với số tiền 16.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, chỉ có căn cứ chấp nhận đối với số tiền lãi là 3.273.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn bà Trần Thị Kim S, ông Nguyễn Văn N1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản như đã phân tích ở trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 244 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 122; khoản 2 Điều 305; các Điều 401, 402, 405, 427, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với các bị đơn bà Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1 về tranh chấp số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 92.000.000 đồng.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với các bị đơn Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với các bị đơn Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1 về tranh chấp số tiền lãi 16.000.000 đồng.

3. Buộc các bị đơn bà Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N số tiền 138.273.000 đồng (trong đó: Tiền gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 3.273.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải nộp số tiền 636.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.450.000 đồng theo Biên lai số AA/2016/0041122 ngày 04/12/2019 tại Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 5.814.000 đồng.

- Các bị đơn bà Trần Thị Kim S và ông Nguyễn Văn N1 có N1 vụ liên đới nộp số tiền 6.914.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Văn Thị Ngọc Hương

